

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH KON TUM

Số: 02/2021/QĐST – KDTM.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

N, ngày 15 tháng 01 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 07/2020/TLST – KDTM ngày 26 tháng 10 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C Việt Nam; Địa chỉ: Số X đường T, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam: Ông Ngô Anh T – Phó giám đốc Ngân hàng TMCP C Việt Nam – chi nhánh K;

Địa chỉ chi nhánh: Số S đường N, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum; có mặt.

(Theo văn bản ủy quyền số 652/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 09-6-2020 về việc ủy quyền thường xuyên tham gia tố tụng của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C Việt Nam).

Bị đơn: Ông Huỳnh C;

Địa chỉ: Thôn N, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; có mặt.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc thanh toán nợ vay:

Ngày 11-6-2019, giữa Ngân hàng TMCP C Việt Nam với ông Huỳnh C ký kết hợp đồng cho vay hạn mức số 336NH/2019-HĐCVHM/NHCT510, số tiền gốc vay là 1.700.000.000đ (*Một tỷ bảy trăm triệu đồng*), thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để kinh doanh hàng nông sản. Mức lãi suất cho vay trong hạn 6,5%/năm và điều chỉnh theo định kỳ, mức lãi suất quá hạn tính bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn.

Tính đến hết ngày 11/6/2020 (ngày đến hạn trả nợ gốc và lãi) thì ông Huỳnh C đã trả được 980.000.000đ (*Chín trăm tám mươi triệu đồng*) tiền gốc và 66.590.000đ (*Sáu mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng*) tiền lãi.

Hiện nay ông Huỳnh C còn nợ 720.000.000đ (*Bảy trăm hai mươi triệu đồng*) tiền gốc; tính đến hết ngày 15/01/2021 tiền lãi trong hạn 29.528.082đ (*Hai mươi chín triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng*) và 14.040.000đ (*Mười bốn triệu, không trăm bốn mươi nghìn*) tiền lãi quá hạn. Tổng cả nợ gốc và lãi là 763.568.082đ (*Bảy trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng*).

Ngân hàng TMCP C Việt Nam với ông Huỳnh C thỏa thuận thống nhất đến ngày 15/01/2021 ông Huỳnh C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam dư nợ tiền gốc 720.000.000đ (*Bảy trăm hai mươi triệu đồng*), tiền lãi trong hạn 29.528.082đ (*Hai mươi chín triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng*), tiền lãi quá hạn 14.040.000đ (*Mười bốn triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng*). Tổng cả nợ gốc và lãi là 763.568.082đ (*Bảy trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng*).

2.2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Áp dụng Điều 306 luật Thương Mại và Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Công nhận thỏa thuận giữa Ngân hàng TMCP C Việt Nam với ông Huỳnh C: Kể từ ngày 16-01-2021 nếu ông Huỳnh C chậm thanh toán tiền thì phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi thi hành xong nợ. Bên vay phải chịu sự điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay. Mức lãi suất Tòa án quyết định cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Ông Huỳnh C phải hoàn trả Ngân hàng TMCP C Việt Nam số tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.700.000đ (*Ba triệu, bảy trăm nghìn đồng*). Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật nếu ông Huỳnh C chậm trả cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam số tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ thì phải trả lãi 10%/năm/số tiền chậm trả.

2.4. Về xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ:

Nếu hết ngày 15-01-2021 ông Huỳnh C không hoàn tất việc thanh toán tiền cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam số tiền dư nợ gốc, lãi và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ được xác định trên thì Ngân hàng TMCP C Việt Nam được yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Các tài sản bảo đảm gồm:

Tài sản 01: Thửa đất số 31d32, tờ bản đồ số 04, địa chỉ thửa đất: Tổ M, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI505839 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum cấp ngày 31/01/2013 cho ông Phạm Hùng Th, đã ghi nhận chuyển nhượng cho ông Huỳnh C vào ngày 06/02/2018.

Tài sản 02: Thửa đất số 186, tờ bản đồ số 66, địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK461413 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum cấp ngày 15/01/2018 cho ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị V, đã ghi nhận chuyển nhượng cho ông Huỳnh C vào ngày 09/5/2018.

Tài sản 03: Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 28, địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD731953 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum cấp ngày 13/01/2017 cho ông A X và bà N (Giấy chứng nhận không ghi rõ họ tên bà N), đã ghi nhận chuyển nhượng cho ông Huỳnh C vào ngày 09/5/2018.

Tài sản 04: Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 28, địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX272765 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum cấp ngày 19/11/2015 cho ông Nguyễn Văn T và bà Châu Thị Th, đã ghi nhận chuyển nhượng cho ông Huỳnh C vào ngày 09/5/2018.

Tài sản 05: Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 28, địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX272763 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum cấp ngày

19/11/2015 cho ông Nguyễn Văn T và bà Châu Thị Th, đã ghi nhận chuyển nhượng cho ông Huỳnh C vào ngày 09/5/2018.

Nếu tài sản bảo đảm được xử lý mà không đủ thì ông Huỳnh C phải tiếp tục trả số tiền còn thiếu cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam. Nếu tài sản bảo đảm xử lý còn dư sau khi đã hoàn tất các nghĩa vụ thì được trả lại cho ông Huỳnh C.

2.5. Về án phí:

Căn cứ Điều 144, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Ông Huỳnh C phải nộp 17.271.000đ (*Mười bảy triệu, hai trăm bảy mươi mốt nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Ngân hàng TMCP C Việt Nam được nhận lại 16.863.000đ (*Mười sáu triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0002531 ngày 22-10-2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện;
- Lưu: HSVA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo

